

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH KHÁNH

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học
Năm học 2023 – 2024 (Cuối kì I)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ 6 tuổi trên địa bàn	Hoàn thành chương trình lớp 1	Hoàn thành chương trình lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Khối 5: thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006. - Lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4: thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2018. - Thực hiện 35 tuần/năm học. - Đánh giá học sinh theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT; Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT (khối 5); Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (khối 1, 2,3,4). - Khối 5 thực hiện theo mô hình trường học mới VNEN.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	+ <u>Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình:</u> - Thực hiện theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Phối hợp thông qua Ban đại diện Cha mẹ học sinh; qua sổ liên lạc; thư điện tử; gọi điện thoại; gặp trực tiếp.				

		- Hợp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm + <u>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh (tất cả các lớp):</u> - Mạnh dạn, trung thực, tự tin, tích cực trong học tập. Thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy. Thực hiện tốt 5 nhiệm vụ HS tiểu học theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học, cụ thể là: 1. Thực hiện đầy đủ và có kết quả hoạt động học tập; chấp hành nội quy nhà trường; đi học đều và đúng giờ; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập. 2. Hiếu thảo với cha mẹ, ông bà; kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, nhân viên và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn. 3. Rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh cá nhân. 4. Tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp; giữ gìn, bảo vệ tài sản nơi công cộng; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. 5. Góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, địa phương.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập cho học sinh: giáo dục các kỹ năng tự bảo vệ, sơ cấp cứu, hội thi nghi thức Đội, thăm trẻ khuyết tật, thăm mẹ Việt Nam anh hùng, ngoài ra trường tổ chức dạy năng khiếu mỹ thuật, Võ và Múa phát triển thể lực cho học sinh. Tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa theo chủ đề, chủ điểm (mỗi tháng 1 lần).
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất - Lễ phép, tích cực, năng động - Được giáo dục về kỹ năng sống - Có ý thức bảo vệ môi trường - Giữ vững hiệu suất đào tạo, hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 98 % trở lên. - Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 100%.

		- Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Giảm số lượng, tỉ lệ trẻ thừa cân béo phì - 100 % học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế. - 100% học sinh đạt phẩm chất và năng lực
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Trường sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để duy trì sĩ số học sinh theo học trong năm tại trường. - Học sinh có đủ khả năng học tiếp tục lên lớp học trên (tiếp tục học ở lớp trên và Trung học cơ sở).

Cần Giờ, ngày 28 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thái Bình

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Năm học 2023 – 2024 (Kết quả cuối học kỳ I)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	926	185	197	180	168	196
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	926	185	197	180	168	196
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Phẩm chất						
1.1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	904/926 97,6%	184/185 99,5%	197/197 100%	179/180 99,4%	163/168 97,0%	181/196 92,3%
1.2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	21/926 2,3%	1/185 0,5%	0	0	5/168 3,0%	15/196 7,7%
1.3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1/926 0,1%	0	0	1/180 0,6%	0	0
2	Năng lực						
2.1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	848/910 93,2%	165/183 90,2%	189/189 100%	176/177 99,45%	156/165 94,5%	162/196 82,7%
2.2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	90/910 6,6%	17/183 9,3%	0	0	9/165 5,5%	34/196 17,3%
2.3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	2/910 0,2%	1/183 0,5%	0	1/177 0,6%	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp						

	(tỷ lệ so với tổng số)						
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)						
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)						

Cần Giờ, ngày 28 tháng 01 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thái Bình

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH KHÁNH

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học
Năm học 2023 – 2024 (Cuối kì I)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30	1.6 m ² /học sinh
II	Loại phòng học	0	-
1	Phòng học kiên cố	30	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	15.010 m ²	15 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	4.000 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56 m ²	1.6 m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	226 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	725 m ²	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	80 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	60 m ²	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	140 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	56 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	24 m ²	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	84 m ²	

VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)			Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định			
1.1	Khối lớp 1		55	09 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2		43	06 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3		43	07 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4		128	06 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5		180	30 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định			
2.1	Khối lớp 1		05	
2.2	Khối lớp 2		05	
2.3	Khối lớp 3			
2.4	Khối lớp 4			
2.5	Khối lớp 5			
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		70	01 HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		28	
2	Cát xét		05	
3	Đầu Video/đầu đĩa		01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		03	
5	Bảng tương tác		05	
6	Thiết bị khác...			
	Nội dung	Số lượng(m ²)		
X	Nhà bếp	140 m ²		
XI	Nhà ăn	176 m ²		
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	06 776 m ²	300	2.5 m ²

XIII	Khu nội trú	0		0	0	
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	14		25		0.6 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Cần Giờ, ngày 28 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thái Bình

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH KHÁNH

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2023 – 2024 (cuối kì I)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	47		01	35	04	03	04							
I	Giáo viên	37			33	04			04	17	29	27	05		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	26			25	01				13	24	22	05		
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	04			02	02			0	03	01	01	01		
3	Tin học	02			02					01	01	02			
4	Âm nhạc														
5	Mỹ thuật	01			01						01		01		
6	Thể dục	02			02					01	01	02			
7	TPT đội	01			01						01	01			
8	Phổ cập giáo dục	01				01				01					
II	Cán bộ quản lý	02		01	01					01	02		01	02	
1	Hiệu trưởng	01		01							01			01	
2	Phó hiệu trưởng	02			02					01	01		01	01	
III	Nhân viên	08			01		03	04							
1	Nhân viên văn thư	01			01										
2	Nhân viên kế toán	01					01								
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	01					01								
5	Nhân viên thư viện, thiết bị	01					01								
6	Nhân viên công nghệ thông tin	01			01										
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0					0								

8	Bảo vệ, phục vụ	04					04							
9	Nhân viên nấu ăn	02					02							

Cần Giờ, ngày 28 tháng 01 năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**

Đặng Thái Bình